

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thế Hường	Chủ tịch
Ông Phan Từ Giang	Thành viên
Ông Đỗ Thành Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)
Ông Hoàng Huy Hà	Thành viên
Ông Vũ Minh Phú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 05 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Từ Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 5 tháng 3 năm 2013

Số: 246 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 5 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 21. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty này đã phát hành báo cáo kiểm toán ngày 7 tháng 3 năm 2012 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 5 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1178/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		570.955.909.451	974.457.539.782
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	236.580.775.891	292.876.907.512
1. Tiền	111		206.580.775.891	152.876.907.512
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	140.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		311.325.903.109	534.796.444.048
1. Phải thu khách hàng	131	6	304.985.235.158	239.413.745.989
2. Trả trước cho người bán	132		215.765.500	19.910.672.774
3. Phải thu theo tiến độ của hợp đồng xây dựng	134	7	-	273.433.931.383
4. Các khoản phải thu khác	135		6.124.902.451	2.038.093.902
III. Hàng tồn kho	140		22.157.903.423	141.556.290.871
1. Hàng tồn kho	141	8	22.157.903.423	141.556.290.871
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		891.327.028	5.227.897.351
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.415.702	504.904.378
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.020.668.158
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3.581.885.763
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		867.911.326	120.439.052
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+260)	200		1.103.367.872.498	1.237.259.145.648
I. Tài sản cố định	220		964.030.549.881	1.088.716.250.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	922.739.214.149	991.815.226.399
- Nguyên giá	222		1.242.808.909.788	1.166.497.295.178
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(320.069.695.639)	(174.682.068.779)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	17.246.770.623	21.467.046.335
- Nguyên giá	228		35.269.773.145	28.880.566.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.023.002.522)	(7.413.520.240)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	24.044.565.109	75.433.977.758
II. Tài sản dài hạn khác	260		139.337.322.617	148.542.895.156
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	138.986.027.813	148.542.895.156
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	351.294.804	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.674.323.781.949	2.211.716.685.430

0-002
 TÍNH
 TY
 HỮU
 ITTE
 NAM
 HỒ CHÍ

0684
 TY
 HỮU
 KH
 KH
 BÀ RỊ

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
 Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.021.174.681.727	1.531.531.976.098
I. Nợ ngắn hạn	310		196.614.232.630	1.531.531.976.098
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	-	888.339.829.998
2. Phải trả người bán	312		75.020.502.242	479.835.095.182
3. Người mua trả tiền trước	313		-	130.199.762.658
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	8.292.546.390	2.064.171.165
5. Phải trả nhân viên	315		16.937.982.999	12.497.553.653
6. Chi phí phải trả	316	16	77.820.183.756	11.661.537.031
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	15.905.698.005	6.103.317.757
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.637.319.238	830.708.654
II. Nợ dài hạn	330		824.560.449.097	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	824.560.449.097	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		653.149.100.222	680.184.709.332
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	641.357.496.101	662.972.555.384
1. Vốn cổ phần	411		594.897.870.000	594.897.870.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.597.721.463	765.604.327
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		43.861.904.638	67.309.081.057
II. Nguồn kinh phí sự nghiệp	430		11.791.604.121	17.212.153.948
1. Nguồn kinh phí sự nghiệp	432		(3.728.020.655)	803.852.669
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		15.519.624.776	16.408.301.279
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.674.323.781.949	2.211.716.685.430

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2012	31/12/2011
I. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ	2.010.522,77	836.555



Nguyễn Phương Hương
 Người lập biểu
 Ngày 5 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Văn Quang
 Kế toán trưởng





Phan Tử Giang
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		2012	2011
	Mã số	minh		
1. Doanh thu gộp	01	21	833.377.741.760	2.157.097.805.148
2. Doanh thu thuần (10 = 01)	10		833.377.741.760	2.157.097.805.148
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	22	672.375.626.156	2.022.916.842.466
4. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		161.002.115.604	134.180.962.682
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	10.615.799.139	55.654.542.300
6. Chi phí tài chính	22	25	115.078.631.810	99.770.001.238
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		96.095.127.190	66.502.618.761
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.898.683.087	29.796.327.847
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		21.640.599.846	60.269.175.897
9. Thu nhập khác	31		7.899.420.919	4.050.811.469
10. Chi phí khác	32		209.830.365	3.249.416.169
11. Lợi nhuận từ hoạt động khác (40=31-32)	40		7.689.590.554	801.395.300
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		29.330.190.400	61.070.571.197
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	7.210.870.739	-
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	(351.294.804)	-
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		22.470.614.465	61.070.571.197
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	378	1.027

Nguyễn Phương Hương
 Người lập biểu
 Ngày 5 tháng 3 năm 2013

Nguyễn Văn Quang
 Kế toán trưởng



Phan Tử Giang
 Tổng Giám đốc


JOY
 CH
 C
 ÁCH
 DE
 VI
 7-

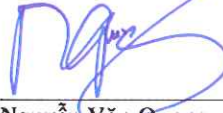
08068
 NG TY
 CỔ PHẦN
 CHẾ TẠO GIÀN KH
 DẦU KHÍ
 T. BÀ RI V


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.330.190.400	61.070.571.197
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	148.070.296.109	130.801.139.087
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	3.286.282.849	(12.087.488.374)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.202.543.131)	(20.383.686.130)
Chi phí lãi vay	06	96.095.127.190	66.502.618.761
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	267.579.353.417	225.903.154.541
Biến động các khoản phải thu	09	220.189.778.910	(159.454.975.099)
Biến động hàng tồn kho	10	119.398.387.448	333.387.925.158
Biến động các khoản phải trả	11	(540.686.192.849)	(518.000.920.000)
Biến động chi phí trả trước	12	10.038.356.019	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(29.528.124.670)	(114.209.772.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(732.223.151)	(2.324.608.084)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	13.833.750.000	14.106.556.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.601.617.732)	(700.501.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	54.491.467.392	(221.293.140.484)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(24.273.272.001)	(120.203.474.000)
2. Thu lãi tiền gửi	27	9.202.543.131	20.383.686.130
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.070.728.870)	(99.819.787.870)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các cổ đông	32	-	(105.102.130.000)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	283.419.567.575	936.358.971.361
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(351.507.083.852)	(642.179.089.000)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(27.609.406.216)	(29.744.894.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(95.696.922.493)	159.332.858.361
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	(56.276.183.971)	(161.780.069.993)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	292.876.907.512	454.656.977.505
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(19.947.650)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	236.580.775.891	292.876.907.512


Nguyễn Phương Hương
Người lập biểu
Ngày 5 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng


Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 9 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 740 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 726 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thùy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan; kinh doanh các loại thiết bị và nguyên vật liệu liên quan.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

22/ H Y U H E W X
344
TY HAN GIAM DAU
V TAU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 15
Phương tiện vận tải	2 - 6
Tài sản hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp	2 - 3
Tài sản khác	3



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì giá mua sẽ được vốn hóa và hạch toán như tài sản vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất là 47 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị thi công khu đất và chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

10/1
RÁ
1/2

3500
CỔ
G
CHẾ T
VŨNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

12500
HI NH
CÔNG
NHẬN
LỜI
TẾT
TP.1

0684
CÔNG TY
PHẦN
GIÀN KHOAN
DẦU KHÍ
T. B. A. T.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.877.988.889	3.003.835.085
Tiền gửi ngân hàng	204.702.787.002	149.873.072.427
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	140.000.000.000
	<u>236.580.775.891</u>	<u>292.876.907.512</u>

Khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - chi nhánh Vũng Tàu thời hạn 1 tháng với lãi suất từ 9% /năm.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ban Quản Lý Dự Án Đóng Mới Giàn Khoan (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)	303.119.858.350	231.916.830.492
Khách hàng khác	1.865.376.808	7.496.915.497
	<u>304.985.235.158</u>	<u>239.413.745.989</u>

7. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận lũy kế đến thời điểm cuối năm	4.036.779.709.178	3.326.217.072.420
Trừ: Doanh thu ghi nhận theo tiến độ hợp đồng	4.036.779.709.178	3.052.783.141.037
	<u>-</u>	<u>273.433.931.383</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.933.020.154	135.828.473.121
Công cụ, dụng cụ	6.224.883.269	5.727.817.750
	<u>22.157.903.423</u>	<u>141.556.290.871</u>

002-C
NH
TY
HỮU H
TE
M
CHI

002-C
NH
TY
HỮU H
TE
M
CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thảng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B 09-DN****9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Thiết bị hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2012	659.214.538.060	112.928.513.131	378.074.419.994	12.616.819.833	2.932.847.397	730.156.763	1.166.497.295.178
Tăng trong năm	-	373.576.860	-	1.067.995.272	917.852.220	-	2.359.424.352
Kết chuyển từ chi phí XD/CBDD	61.245.606.548	570.698.000	-	126.710.710	-	12.009.175.000	73.952.190.258
Tại ngày 31/12/2012	720.460.144.608	113.872.787.991	378.074.419.994	13.811.525.815	3.850.699.617	12.739.331.763	1.242.808.909.788
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2012	89.810.140.609	22.434.038.387	53.792.674.121	7.926.843.660	166.474.711	551.897.291	174.682.068.779
Khấu hao trong năm	85.096.296.896	16.609.317.270	33.181.547.791	2.403.603.767	1.164.015.109	6.932.846.027	145.387.626.860
Tại ngày 31/12/2012	174.906.437.505	39.043.355.657	86.974.221.912	10.330.447.427	1.330.489.820	7.484.743.318	320.069.695.639
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại ngày 31/12/2012	545.553.707.103	74.829.432.334	291.100.198.082	3.481.078.388	2.520.209.797	5.254.588.445	922.739.214.149
Tại ngày 31/12/2011	569.404.397.451	90.494.474.744	324.281.745.873	4.689.976.173	2.766.372.686	178.259.472	991.815.226.399

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 7.411.891.129 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.725.265.806 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Phần mềm hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	11.835.096.675	17.045.469.900	28.880.566.575
Tăng trong năm	268.922.260	6.120.284.310	6.389.206.570
Tại ngày 31/12/2012	12.104.018.935	23.165.754.210	35.269.773.145
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	4.009.978.933	3.403.541.307	7.413.520.240
Khấu hao trong năm	3.846.684.358	6.762.797.924	10.609.482.282
Tại ngày 31/12/2012	7.856.663.291	10.166.339.231	18.023.002.522
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	4.247.355.644	12.999.414.979	17.246.770.623
Tại ngày 31/12/2011	7.825.117.742	13.641.928.593	21.467.046.335

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 608.109.650 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 429.759.650 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	75.433.977.758	473.410.416.017
Tăng trong năm	29.212.724.262	106.656.110.401
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(73.952.190.258)	(485.414.950.387)
Kết chuyển sang tài sản vô hình	-	(9.936.692.500)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(6.523.118.455)	(9.280.905.773)
Kết chuyển sang chi phí khác	(126.828.198)	
Tại ngày 31 tháng 12	24.044.565.109	75.433.977.758

Số dư xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 là giá trị đầu tư hai công trình 35/5 tấn tại căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền thuê đất	135.588.516.607	138.670.073.803
Khác	3.397.511.206	9.872.821.353
	138.986.027.813	148.542.895.156

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoàn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm:

	Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND
Tại ngày 01/01/2012	-
Ghi nhận lợi nhuận trong năm	351.294.804
Tại ngày 31/12/2012	<u>351.294.804</u>

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	794.197.269.998
Ngân Hàng TMCP Đại Dương	-	94.142.560.000
	<u>-</u>	<u>888.339.829.998</u>

Vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") được chuyển sang vay dài hạn theo Nghị quyết số 1021/NQ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 06 tháng 2 năm 2013. Khoản vay dài hạn được trình bày ở Thuyết minh số 18.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đại Dương thể hiện khoản vay tín dụng ngắn hạn dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam và chịu lãi suất từ 11,8% đến 12%/năm. Khoản vay này không có đảm bảo. Trong năm 2012, khoản vay này đã được hoàn trả hết.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.147.917.064	-
Thuế thu nhập cá nhân	613.189.004	2.064.171.165
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.478.647.588	-
Thuế khác	52.792.734	-
	<u>8.292.546.390</u>	<u>2.064.171.165</u>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí lãi vay	66.567.002.520	9.435.145.271
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản (gói thầu XL2 và EPC3)	8.105.434.254	-
Chi phí khác	3.147.746.982	2.226.391.760
	<u>77.820.183.756</u>	<u>11.661.537.031</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả cổ tức	14.033.444.684	4.124.317.930
Kinh phí công đoàn	511.619.544	401.746.327
Bảo hiểm xã hội	-	117.791.229
Phải trả khác	1.360.633.777	1.459.462.271
	<u>15.905.698.005</u>	<u>6.103.317.757</u>

500-
NHÁI
HG T
IEM H
OIT
T NA
HỒ

SBK/KD: 35/0080/F
CÔNG
CỔ
CHẾ
TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
TP.VŨNG TÀU

3505844 CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
BÀ RI VÀNG TÀU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	824.560.449.097	-
	<u>824.560.449.097</u>	<u>-</u>

Vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") gồm 2 hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV.TD ngày 17 tháng 05 năm 2011 với số tiền 641.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Khoản vay chịu lãi suất 4,9%/năm, 14,1%/năm, 12,1%/năm và là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay ban đầu là 12 tháng từ ngày 24 tháng 5 năm 2011 đến ngày 24 tháng 5 năm 2012 và gia hạn đến ngày 24 tháng 11 năm 2014 theo Phụ lục số 01/11/2011/HDTDUT/TC DK-CNV.TD. Khoản vay này đã được giải ngân hết trong năm 2011.

Hợp đồng tín dụng số 07/HDTDUT/TC DK-CNV.TD ngày 18 tháng 03 năm 2011 với số tiền tối đa là 250.000.000.000 đồng cho mục đích thanh toán chi phí đầu tư của dự án "Xây dựng căn cứ đóng mới và sửa chữa giàn khoan dầu khí". Lãi suất vay bằng lãi suất huy động vốn từ tổ chức kinh tế kỳ hạn 12 tháng của PVFC tại thời điểm xác định lãi suất cộng 5%/năm đối với khoản vay giải ngân trước ngày 6 tháng 10 năm 2011 và 14,2%/năm đối với khoản vay giải ngân sau ngày 6 tháng 10 năm 2011. Khoản vay này là khoản vay tín chấp. Thời hạn vay là thời hạn từ khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chuyển vốn ủy thác cho PVFC đến ngày 6 tháng 4 năm 2012. Trong năm 2011, Công ty đã giải ngân 153.197.270.000 đồng và trong năm 2012 đã giải ngân 30.363.179.097 đồng.

Theo Nghị quyết số 1021/NQ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") ngày 06 tháng 2 năm 2013, Tập đoàn chấp thuận gia hạn các khoản vay đến hết năm 2018 và ân hạn trả nợ gốc đến hết năm 2013. Hai hợp đồng vay sẽ được chuyển thành một hợp đồng vay để quản lý từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Khoản vay dài hạn được trả gốc 06 tháng 01 lần, ngày trả đầu tiên là ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngày trả sau cùng là ngày 31 tháng 12 năm 2018.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Vốn khác của chủ	Lợi nhuận chưa	Tổng
	<u>VND</u>	sở hữu	phân phối	<u>VND</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại ngày 01/01/2011	700.000.000.000	-	38.280.216.341	738.280.216.341
Lợi nhuận trong năm	-	-	61.070.571.197	61.070.571.197
Giảm vốn cổ phần	(105.102.130.000)	-	-	(105.102.130.000)
Chia cổ tức	-	-	(29.744.893.500)	(29.744.893.500)
Trích quỹ	-	-	(2.296.812.981)	(2.296.812.981)
Tăng khác	-	765.604.327	-	765.604.327
Số dư tại ngày 31/12/2011	594.897.870.000	765.604.327	67.309.081.057	662.972.555.384
Lợi nhuận trong năm	-	-	22.470.614.465	22.470.614.465
Chia cổ tức	-	-	(41.642.850.900)	(41.642.850.900)
Trích quỹ	-	-	(4.274.939.984)	(4.274.939.984)
Tăng khác	-	1.832.117.136	-	1.832.117.136
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>594.897.870.000</u>	<u>2.597.721.463</u>	<u>43.861.904.638</u>	<u>641.357.496.101</u>

Theo Nghị quyết số 030A/12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 05 năm 2012 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chi trả cổ tức năm 2011 từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011 là 7% vốn điều lệ. Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông tỷ lệ chia cổ tức năm 2012 là 5% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

ty chưa công bố chia khoản cổ tức này và tỉ lệ chia cổ tức cuối cùng sẽ do các cổ đông quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Cổ phần

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	59.489.787	59.489.787
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	59.489.787	59.489.787

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011 như sau:

	Tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011	
	%	Số cổ phần
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28.75	17.105.643
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	7.53	4.479.257
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.03	2.400.000
Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Việt-Xô	3.63	2.161.300
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4.03	2.400.000
Công ty Cổ phần LILAMA 18	3.03	1.800.000
Các cổ đông khác	49.00	29.143.587
	<u>100</u>	<u>59.489.787</u>

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên. Trong năm hoạt động, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Hợp đồng xây dựng giàn khoan với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	710.562.636.758	2.112.119.565.205
Hợp đồng sửa chữa khác	94.098.645.531	-
Dịch vụ khác	28.716.459.471	44.978.239.943
	<u>833.377.741.760</u>	<u>2.157.097.805.148</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 VND	2011 VND
Hợp đồng xây dựng giàn khoan	626.131.632.586	2.014.102.411.000
Hợp đồng sửa chữa khác	41.727.559.161	-
Dịch vụ khác	4.516.434.409	8.814.431.466
	<u>672.375.626.156</u>	<u>2.022.916.842.466</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	296.384.557.557	1.388.953.634.315
Chi phí nhân công	136.542.627.184	133.547.494.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	159.771.099.568	73.233.504.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.003.856.905	145.835.529.015
Chi phí khác	8.577.255.760	4.810.467.629
	<u>707.279.396.974</u>	<u>1.746.380.629.744</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	9.202.543.131	20.383.686.130
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.413.256.008	21.140.105.319
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	14.130.750.851
	<u>10.615.799.139</u>	<u>55.654.542.300</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền vay	96.095.127.190	66.502.618.761
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.697.221.771	31.224.120.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.286.282.849	2.043.262.477
	<u>115.078.631.810</u>	<u>99.770.001.238</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	29.330.190.400	61.070.571.197
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.838.527.305	5.595.751.008
Thu nhập chịu thuế	33.168.717.705	66.666.322.205
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 10%	7.208.724.582	-
Thu nhập chịu thuế hưởng thuế suất 25%	25.959.993.123	-
Thu nhập được miễn thuế	-	66.666.322.205
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.210.870.739	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ

SỐ QUẢN LÝ: 3500
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ
 BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Theo Công văn số 6031/CT-TTHT do Cục thuế tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ký ngày 17 tháng 10 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo ba mức thuế suất như sau:

- Đối với các hoạt động đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong mười năm kể từ năm bắt đầu hoạt động kinh doanh và theo thuế suất 25% cho các năm sau đó. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong ba năm tiếp theo.

- Đối với hoạt động thi công công trình thủy, sản xuất các loại vật liệu, sản xuất thiết bị cơ khí và điện tử phục vụ công tác chế tạo giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí và tàu thủy, chế tạo thiết bị và kết cấu thép cho các công trình hạ tầng và công nghiệp, nạo vét luồng lạch và san lấp tạo bãi, tạo mặt bằng xây dựng, cung cấp dịch vụ xây dựng cho công trình dầu khí, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập với thuế suất 25% theo quy định hiện hành. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong hai năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2010), và được giảm 50% thuế thu nhập trong hai năm tiếp theo.

- Đối với các hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.470.614.465	61.070.571.197
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	<u>59.489.787</u>	<u>59.489.787</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>378</u>	<u>1.027</u>

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Các khoản vay	824.560.449.097	888.339.829.998
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	236.580.775.891	292.876.907.512
Nợ thuần	587.979.673.206	595.462.922.486
Vốn chủ sở hữu	<u>641.357.496.101</u>	<u>662.972.555.384</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0.92</u>	<u>0.90</u>

250
IN
NH
LC
ET
TP06844
C TY
PH AN
GI ANH KP
D AU KH I
TA UT BA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thới Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.580.775.891	292.876.907.512
Phải thu khách hàng và phải thu khác	311.110.137.609	514.885.771.274
Tổng cộng	547.690.913.500	807.762.678.786
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	90.414.580.703	485.418.875.383
Các khoản vay	1.566.664.853.284	924.681.893.465
Chi phí phải trả	77.820.183.756	11.661.537.031
Tổng cộng	1.734.899.617.743	1.421.762.305.879

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế, Do đó, Công ty chưa thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	308.535.006.377	215.809.751.044	54.076.402.307	484.738.125.264
Đô la Singapore (SGD)	-	-	227.692.146	-
Bảng Anh (GPB)	-	-	268.740.099	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC"). Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu phần lớn là phải thu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - chủ đầu tư của dự án giàn khoan chính của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	236.580.775.891	-	236.580.775.891
Phải thu khách hàng và phải thu khác	311.110.137.609	-	311.110.137.609
Tổng cộng	547.690.913.500	-	547.690.913.500
Phải trả người bán và phải trả khác	90.414.580.703	-	90.414.580.703
Các khoản vay	-	1.566.664.853.284	1.566.664.853.284
Chi phí phải trả	77.820.183.756	-	77.820.183.756
Tổng cộng	168.234.764.459	1.566.664.853.284	1.734.899.617.743
Chênh lệch thanh khoản thuần	379.456.149.041	(1.566.664.853.284)	(1.187.208.704.243)
31/12/2011			
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	292.876.907.512	-	292.876.907.512
Phải thu khách hàng và phải thu khác	514.885.771.274	-	514.885.771.274
Tổng cộng	807.762.678.786	-	807.762.678.786
Phải trả người bán và phải trả khác	485.418.875.383	-	485.418.875.383
Các khoản vay	924.681.893.464	-	924.681.893.464
Chi phí phải trả	11.661.537.031	-	11.661.537.031
Tổng cộng	1.421.762.305.879	-	1.421.762.305.879
Chênh lệch thanh khoản thuần	(613.999.627.093)	-	(613.999.627.093)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO GIÀN KHOAN DẦU KHÍ65A2, Đường 30 tháng 4, Phường Thắng Nhất
Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Do khoản nợ tài chính lớn nhất chủ yếu là từ khoản vay dài hạn từ Tập đoàn dầu khí Việt Nam ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC") nên Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản thuần ở mức độ thấp.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan đã được trình bày ở các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị:

	2012 VND	2011 VND
Lương và thưởng	3.512.638.155	2.907.636.123
	<u>3.512.638.155</u>	<u>2.907.636.123</u>

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, cụ thể như sau:

Khoản mục	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	14.106.556.000	14.106.556.000
Tiền thuần của quỹ sự nghiệp nhận từ Nhà nước	14.106.556.000	(14.106.556.000)	-



Nguyễn Phương Hường
Người lập biểu
Ngày 5 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Văn Quang
Kế toán trưởng




Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

